## 1 THỦ TỤC CẤP LẠI GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI XE

**1.1. Trình tự, cách thức, thời gian thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trình tự thực hiện** | **Cách thức thực hiện** | **Thời gian giải quyết** |
| **Bước 1** | **Nộp hồ sơ thủ tục hành chính** | Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ qua các cách thức sau: |  |
| a)Tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện tại Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tại Tòa nhà Bưu điện Tỉnh; Địa chỉ: Số 85, đường Nguyễn Huệ, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Mặt tiền đường Lý Thường Kiệt). | - Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút;  - Chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc. |
|  |  | b) Nộp trực tuyến trên: Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Đồng Tháp https://dichvucong.dongthap.gov.vn. | 24/24 giờ |
| **Bước 2** | **Tiếp nhận và chuyển hồ sơ thủ tục hành chính** | - Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và thành phần hồ sơ:  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác, công chức tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.  - Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính  - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, công chức tiếp nhận hồ sơ và in Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký, sau đó chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn. | Chuyển ngay hồ sơ trong ngày làm việc hoặc vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày. |
| **Bước 3** | **Giải quyết thủ tục hành chính** | - Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | **03 ngày, trong đó:** |
| - Tiếp nhận hồ sơ | 0,5 ngày |
| - Giải quyết hồ sơ, trong đó: | 02 ngày |
| + Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái. | 01 ngày |
| + Lãnh đạo phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái. | 0,5 ngày |
| + Lãnh đạo Sở phụ trách lĩnh vực vận tải, phương tiện và người lái. | 0,5 ngày |
| - Chuyển bộ trả kết quả đến Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tại Tòa nhà Bưu điện Tỉnh | 0,5 ngày |
| b) Tổ chức đến nhận kết quả và hoàn trả giấy hẹn tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả. Khi đến nhận phải trình giấy hẹn, giấy chứng minh thư nhân dân, giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền. | Thời gian thông báo trả lại hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ |
| **Bước 4** | **Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính** | Tổ chức, cá nhân đến Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công Tòa nhà Bưu điện Tỉnh nhận kết quả và hoàn trả giấy hẹn hoặc liên hệ Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công Tòa nhà Bưu điện Tỉnh nhận kết quả và hoàn trả giấy hẹn qua đường bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác. | - Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút;  - Chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc. |

**1.2. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a) Thành phần hồ sơ:**

- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này;

- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

**b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**1.3. Cơ quan thực hiện:**

Sở Giao thông vận tải Đồng Tháp.

**1.4. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

**1.5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Giấy phép xe tập lái

**1.6. Lệ phí:** Không có

**1.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Danh sách đề nghị cấp giấy phép xe tập lái phụ lục 8 (*Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)*

**1.8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

Xe tập lái phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Có xe tập lái các hạng được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái; trường hợp cơ sở đào tạo có dịch vụ sát hạch lái xe, căn cứ thời gian sử dụng xe sát hạch vào mục đích sát hạch, được phép sử dụng xe sát hạch để vừa thực hiện sát hạch lái xe, vừa đào tạo lái xe nhưng số lượng xe sát hạch dùng để tính lưu lượng đào tạo không quá 50% số xe sát hạch sử dụng để dạy lái.

- Xe tập lái dùng để đào tạo lái xe ô tô, được gắn 02 biển “TẬP LÁI” trước và sau xe theo mẫu quy định tại Phụ lục II Nghị định này, có thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe trên đường của học viên, có hệ thống phanh phụ được lắp đặt bảo đảm hiệu quả phanh, được bố trí bên ghế ngồi của giáo viên dạy thực hành lái xe, xe tập lái loại tải thùng có mui che mưa, che nắng, ghế ngồi cho học viên, có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ còn hiệu lực.

- Ô tô phải có 02 biển “TẬP LÁI” theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Nghị định này, được làm bằng kim loại nền màu xanh, chữ màu trắng, lắp cố định ở trước và sau xe: Biển trước kích thước 10 cm x 25 cm lắp cố định trên thanh cản trước bên trái đối với các hạng xe; Biển sau kích thước 10 cm x 25 cm đối với xe hạng B, kích thước 35 cm x 35 cm đối với xe các hạng C, D, E, F lắp ở vị trí giữa thành sau không trùng với vị trí lắp đặt biển số đăng ký và không được dán lên kính sau xe.

- Mô tô ba bánh, máy kéo có trọng tải đến 1.000 kg phải có 02 biển “TẬP LÁI” theo mẫu quy định tại Phụ lục 2, được làm bằng kim loại nền màu xanh, chữ màu trắng lắp phía trước và phía sau xe với kích thước: 15cm x 20cm đối với mô tô, 20 cm x 25 cm đối với máy kéo.

**1.9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12.

- Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

- Điều 12 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**1.10. Lưu hồ sơ (ISO):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | **Bộ phận lưu trữ** | **Thời gian lưu** |
| - Như mục 3.2;  - Kết quả giải quyết TTHC hoặc Văn bản trả lời của đơn vị đối với hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, điều kiện.  - Hồ sơ thẩm định (nếu có)  - Văn bản trình cơ quan cấp trên (nếu có) | Phòng, đơn vị tham mưu giải quyết thủ tục hành chính | Sau 01 năm chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở |
| Các biểu mẫu theo Khoản 1, Điều 9, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả |

**PHỤ LỤC VIII**

MẪU DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÁP XE TẬP LÁI  
(*Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)*

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN CƠ SỞ ĐÀO TẠO ------- | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  --------------- |

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Trường (Trung tâm) ……………. đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Biển số đăng ký | Xe của cơ sở đào tạo | Xe hợp đồng | Nhãn hiệu | Loại xe | Số động cơ | Số khung | Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT | | Ghi chú |
| Ngày cấp | Ngày hết hạn |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:* - Như trên; - Lưu: | *…….., ngày......tháng…... năm 20…….* HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC) *(Ký tên, đóng dấu)* |